

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 22/06/2024 - TRÌNH ĐỘ HSKKTC

PHÒNG THI: 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H82405850200000037	TRUONG THI NGOC ANH	女	2007-03-08	030307006747	LE 4.12	
2	H82405850200000038	VU VAN DUNG	男	1978-08-10	031078002833	LE 4.12	
3	H82405850200000039	NGUYEN THI KIM CHI	女	1992-09-15	031192011997	LE 4.12	
4	H82405850200000040	NGUYEN MINH HIEU	男	2005-04-23	031205006035	LE 4.12	
5	H82405850200000041	NGUYEN HUU HAI NAM	男	2005-05-12	031205017992	LE 4.12	
6	H82405850200000042	PHAM LINH HUONG	女	2001-10-26	031301004399	LE 4.12	
7	H82405850200000043	NGUYEN ANH MY	女	2002-05-27	031302002129	LE 4.12	
8	H82405850200000044	LUU THUY TRANG	女	2003-09-18	031303003895	LE 4.12	
9	H82405850200000045	DANG THI MY DUYEN	女	2005-01-07	031305007738	LE 4.12	
10	H82405850200000046	VU HIA PIUONG	女	2005-09-05	031305011520	LE 4.12	
11	H82405850200000047	NGUYEN THI TUOI	女	1987-09-09	034187006039	LE 4.12	
12	H82405850200000048	BUI THI NGOC HOA	女	1990-07-23	034190010698	LE 4.12	
13	H82405850200000049	NGUYEN THI THU HA	女	1999-08-12	034199011008	LE 4.12	
14	H82405850200000050	VU QUOC VIET	女	2006-01-24	034206015165	LE 4.12	
15	H82405850200000051	NGUYEN THI MAI	女	2001-10-09	034301003659	LE 4.12	
16	H82405850200000052	NGUYEN HAI LY	女	2001-08-24	034301004757	LE 4.12	
17	H82405850200000053	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2001-07-23	034301006380	LE 4.12	
18	H82405850200000054	PHAM THI LAN	女	2002-08-02	034302008231	LE 4.12	
19	H82405850200000055	TRAN THI OANH	女	2004-12-07	034304005631	LE 4.12	
20	H82405850200000056	DINH THI TO UYEN	女	2005-08-19	034305001876	LE 4.12	
21	H82405850200000057	BUI THI THUONG	女	2005-07-07	034305013515	LE 4.12	
22	H82405850200000058	PHAM KIM CHI	女	2007-03-12	034307004133	LE 4.12	
23	H82405850200000059	NGUYEN THI THU HIEN	女	2008-06-01	034308010393	LE 4.12	
24	H82405850200000060	HA MINH PHUONG	女	2008-06-25	034308012873	LE 4.12	
25	H82405850200000061	PHAM THI HANG	女	1993-10-20	035193000481	LE 4.12	
26	H82405850200000062	DAO THI THOM	女	1993-06-29	035193000606	LE 4.12	
27	H82405850200000063	MAI THI KIEU DIEM	女	1996-09-02	035196001193	LE 4.12	
28	H82405850200000064	LUONG THI CHUYEN	女	1996-11-10	035196009740	LE 4.12	
29	H82405850200000065	TRUONG THI HOA	女	2003-02-28	035303002366	LE 4.12	
30	H82405850200000066	NGUYEN PHUC HONG ANH	女	2005-01-27	035305000029	LE 4.12	
31	H82405850200000067	TRAN THI YEN	女	1995-10-20	036195007365	LE 4.12	
32	H82405850200000068	TRAN THI TUYEN	女	1998-04-13	036198000392	LE 4.12	
33	H82405850200000069	NGUYEN DINH VU	男	2004-11-25	036204002698	LE 4.12	
34	H82405850200000070	PHAM THI HIEN THAO	女	2001-08-12	036301006480	LE 4.12	
35	H82405850200000071	NGUYEN LINH CHI	女	2001-09-12	036301007789	LE 4.12	
36	H82405850200000072	NGUYEN THI HUONG	女	2001-02-02	036301013595	LE 4.12	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.